

CHƯƠNG IV: BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

BÀI 58: SỬ DỤNG HỢP LÝ TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN

I. Các dạng tài nguyên thiên nhiên chủ yếu:

+ Tài nguyên tái sinh: : Là dạng tài nguyên khi sử dụng hợp lý sẽ có điều kiện phát triển phục hồi.

VD: Rừng, đất, nước,...

+ Tài nguyên không tái sinh: Là dạng tài nguyên sau một thời gian sử dụng sẽ bị cạn kiệt.

VD: Than đá, quặng, dầu mỏ,...

+ Tài nguyên năng lượng vĩnh cửu: Là dạng tài nguyên sạch không gây ô nhiễm môi trường đang được sử dụng ngày một nhiều.

VD: năng lượng gió, bức xạ mặt trời, năng lượng suối nước nóng,...

II. Sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên

1. Sử dụng hợp lý tài nguyên đất

- Làm cho đất không bị thoái hóa.
- Thực vật đóng vai trò quan trọng trong việc bảo vệ đất. Vì vậy cần trồng cây, bảo vệ rừng và trồng rừng.

2. Sử dụng hợp lý tài nguyên nước

- Nước là nhu cầu không thể thiếu của mọi sinh vật trên Trái Đất.
 - Nước đang bị ô nhiễm và đang có nguy cơ bị cạn kiệt.
- Sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên nước là không làm ô nhiễm và cạn kiệt nguồn nước.

3. Sử dụng hợp lý tài nguyên rừng

- + Rừng có vai trò quan trọng trong điều hòa khí hậu, bảo vệ đất, nước và các tài nguyên sinh vật khác.
- Sử dụng hợp lý tài nguyên rừng là phải kết hợp giữa khai thác có mức độ tài nguyên với bảo vệ và trồng rừng. Thành lập các khu bảo tồn thiên nhiên, vườn quốc gia,....

BÀI 59: KHÔI PHỤC MÔI TRƯỜNG VÀ GÌN GIỮ THIÊN NHIÊN HOANG DÃ

I. Ý nghĩa của việc khôi phục môi trường và gìn giữ thiên nhiên hoang dã:

- Môi trường đang bị suy thoái.
- Gìn giữ thiên nhiên hoang dã là bảo vệ các loài sinh vật và môi trường sống của chúng tránh ô nhiễm môi trường, lũ lụt, hạn hán, ... góp phần giữ cân bằng sinh thái.

II. Các biện pháp bảo vệ thiên nhiên: (Bảng 59 sgk/179)

- + Cải tạo khí hậu, hạn chế xói mòn đất, hạn chế hạn hán, lũ lụt...
- + Điều hòa lượng nước, hạn chế lũ lụt, hạn hán, có nước mở rộng diện tích trồng trọt, tăng năng suất cây trồng.
- + Tăng độ màu mỡ cho đất, phủ xanh vùng đất trống bỏ hoang, phân hữu cơ được xử lý đúng kĩ thuật, không mang mầm bệnh cho người và động vật.
- + Làm đất không bị cạn kiệt nguồn dinh dưỡng, tận dụng hiệu suất sử dụng đất, tăng năng suất cây trồng.
- + Đem lại lợi ích kinh tế, có đủ kinh phí đầu tư cho cải tạo đất.

III. Vai trò của học sinh trong việc bảo vệ thiên nhiên hoang dã

- Không vứt rác bừa bãi, tích cực tham gia giữ gìn vệ sinh nơi công cộng, vệ sinh công viên, trường học, đường phố... Không chặt phá cây cối bừa bãi, tích cực trồng cây, chăm sóc và bảo vệ cây.
- Tuyên truyền về giá trị của thiên nhiên và mục đích bảo vệ thiên nhiên cho gia đình, bạn bè và cộng đồng.

BÀI 60: BẢO VỆ ĐA DẠNG CÁC HỆ SINH THÁI

I. Sự đa dạng của các hệ sinh thái:

Có 3 hệ sinh thái chủ yếu:

- + Hệ sinh thái trên cạn: rừng, thảo nguyên, savan...
- + Hệ sinh thái nước mặn: rừng ngập mặn, hệ sinh thái vùng biển khơi...
- + Hệ sinh thái nước ngọt: ao, hồ, sông, suối....

II. Bảo vệ hệ sinh thái rừng

- Xây dựng kế hoạch để khai thác nguồn tài nguyên rừng hợp lí để hạn chế mức độ khai thác, không khai thác quá mức làm cạn kiệt nguồn tài nguyên.
- Xây dựng các khu bảo tồn thiên nhiên, vườn quốc gia để giữ cân bằng sinh thái và bảo vệ nguồn gen.
- Trồng rừng góp phần khôi phục các hệ sinh thái bị thoái hoá, chống xói mòn đất, tăng nguồn nước...
- Phòng cháy rừng → bảo vệ rừng.
- Vận động định canh, định cư để bảo vệ rừng đầu nguồn.
- Phát triển dân số hợp lí, giảm áp lực sử dụng tài nguyên rừng.
- Tuyên truyền bảo vệ rừng, toàn dân cùng tham gia bảo vệ rừng.

III. Bảo vệ hệ sinh thái biển

- Bảo vệ bãi cát biển (nơi rùa đẻ trứng) và vận động người dân không đánh bắt rùa biển.
- Bảo vệ rừng ngập mặn hiện có và trồng lại rừng đã bị chặt phá.
- Xử lí nước thải trước khi đổ ra sông, biển.
- Làm sạch bãi biển và nâng cao ý thức bảo vệ môi trường của người dân.

IV. Bảo vệ hệ sinh thái nông nghiệp

- + Duy trì hệ sinh thái nông nghiệp chủ yếu.
- + Cải tạo các hệ sinh thái để đạt năng suất và hiệu quả cao.

BÀI 61: LUẬT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

I. Sự cần thiết ban hành luật:

Nhằm ngăn chặn, khắc phục các hậu quả xấu do các hoạt động của con người và thiên nhiên gây ra cho môi trường tự nhiên.

II. Một số nội dung cơ bản của Luật bảo vệ môi trường ở Việt Nam:

Sgk/184-185

III. Trách nhiệm của mỗi người trong việc chấp hành Luật bảo vệ môi trường:

Mọi người đều có trách nhiệm thực hiện tốt Luật bảo vệ môi trường.